

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 277 /SYT-KHTC

An Giang, ngày 18 tháng 7 năm 2025

V/v triển khai Nghị định số
186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025
của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều của Luật Quản lý, sử
dụng tài sản công

TRUNG TÂM Y TẾ GIANG THÀNH

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc Sở

Số: 104
ĐẾN Ngày: 21/7/2025
huyền: Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Sở Y tế triển khai đến các đơn vị như sau:

1. Ngày 01/7/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 186/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025.

2. Nghị định số 186/2025/NĐ-CP gồm 114 điều và bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật sau:

- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

- Điều 3 Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Để đảm bảo thực hiện đúng quy định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công, Sở Y tế đề nghị các đơn vị nghiên cứu, triển khai thực hiện theo các nội dung quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP, trong đó lưu ý một số nội dung quan trọng sau:

a) Đối với nội dung mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước và mua sắm tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Điều 3 và Điều 41 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP: Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức thực hiện mua sắm tài sản công theo quy định của pháp luật về đấu thầu, không phải trình ban hành Quyết định mua sắm.

Việc mua sắm tài sản quy định tại Điều 3 và Điều 41 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP không bao gồm mua sắm dịch vụ phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Việc mua sắm dịch vụ được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

b) Đối với Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết; khai thác tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập: các đơn vị thực hiện theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP, trong đó:

- Đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng tài sản công để phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo quy định tại Điều 49 Nghị định này thì không phải lập Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định tại Điều 52 Nghị định này, không phải báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định khai thác tài sản theo quy định tại Điều 50 Nghị định này.

- Đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng tài sản công để phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo quy định tại Điều 49 Nghị định này thì đơn vị có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định khai thác tài sản theo quy định tại Điều 50 Nghị định này xem xét, quyết định làm cơ sở thực hiện; không phải lập Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định tại Điều 52 Nghị định này.

c) Việc quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

d) Đối với nội dung xử lý tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công):

Về trình tự, thủ tục thực hiện xử lý tài sản công: thực hiện theo quy định tại các Điều 18, 19, 21, 23, 24, 25, 26, 27, 29, 30, 31, 33 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

e) Về thẩm quyền trong quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 112 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP quy định: “3. Đối với các thẩm quyền trong quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định theo quy định tại Nghị định này thì trong thời gian Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định, thẩm quyền quyết định được thực hiện theo phân cấp hoặc quy định về thẩm quyền đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đã ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành; đối với các địa phương thực hiện sáp nhập, hợp nhất thì thực hiện theo phân cấp hoặc quy định về thẩm quyền của địa phương được giữ tên sau sáp nhập, hợp nhất.”

Do đó trong thời gian Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công theo Nghị định số 186/2025/NĐ-CP, các đơn vị thực hiện theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 01/07/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An

Giang về việc áp dụng nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang, tỉnh Kiên Giang ban hành trước ngày 01/7/2025 thuộc lĩnh vực tài chính, trong đó tại khoản 1 Điều 1: “Các Nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang, tỉnh Kiên Giang ban hành trước ngày 01/7/2025 tiếp tục được áp dụng trên phạm vi đơn vị hành chính tỉnh An Giang (mới) cho đến khi có văn bản thay thế hoặc bãi bỏ, gồm: 25 nghị quyết, trong đó có bao gồm: “*Nghị Quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 29/5/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, sử dụng, xử lý, khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang*”. *Cụ thể:*

- Về thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công: thực hiện theo quy định tại các Điều 17, 20, 22, 28, 32, 58, 59 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP và Điều 6, 7, 8, 9, 10 Nghị quyết 07/2025/NQ-HĐND.

- Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản: thực hiện theo quy định tại khoản 6 điều 14, khoản 6 điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP và Điều 13 Nghị Quyết 07/2025/NQ-HĐND quy định thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công : “*Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, quyết định việc khai thác tài sản công thuộc quyền quản lý sử dụng*”

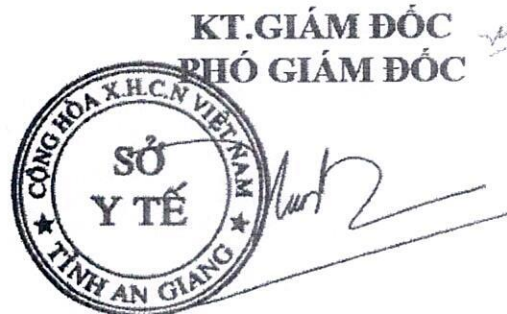
4. Việc xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công: Thủ trưởng đơn vị thực hiện theo khoản 4 điều 113 Nghị định số 186/2025/NĐ – CP: “4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản công có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công được Nhà nước giao theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, bảo đảm phân định rõ quyền, nghĩa vụ của từng bộ phận, cá nhân trong việc đầu tư xây dựng, mua sắm, tiếp nhận, thuê, thuê mua, khoán kinh phí sử dụng tài sản công; sử dụng, khai thác tài sản công và xử lý tài sản công”.

Trên cơ sở các nội dung nêu trên, Sở Y tế đề nghị các đơn vị triển khai thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Y tế để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Sở Y tế thông báo đến các đơn vị biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc và các PGD;
- Lưu: VT, KHTC.



Nguyễn Thị Bích Hạnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH AN GIANG
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, sử dụng, xử lý, khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND
ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công không theo phương thức tập trung, mua sắm tài sản công là vật tiêu hao; thuê tài sản; khai thác tài sản công; thu hồi; điều chuyển; bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

Chương II

**PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH MUA SẮM, THUÊ,
SỬ DỤNG, XỬ LÝ, KHAI THÁC TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN,
TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ VÀ ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP**

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công không theo phương thức tập trung:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công là nhà và đất, công trình gắn liền với đất (sau đây gọi là nhà, đất); xe ô tô; tài sản công đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 05 tỷ đồng trở lên theo đề nghị của cơ quan chuyên môn.

b) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định mua sắm đối với tài sản công (trừ nhà, đất; xe ô tô) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm đối với tài sản công (trừ nhà, đất; xe ô tô) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng.

d) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm đối với tài sản công (trừ nhà, đất; xe ô tô) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng.

đ) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán các cấp (trừ trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này) quyết định mua sắm đối với tài sản công (trừ nhà, đất; xe ô tô) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị dưới 200 triệu đồng.

2. Thẩm quyền mua sắm tài sản công là vật tiêu hao:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm vật tiêu hao đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 05 tỷ đồng trở lên.

b) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định mua sắm vật tiêu hao đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm vật tiêu hao đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện.

d) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm vật tiêu hao đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

đ) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán các cấp (trừ trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này) quyết định mua sắm vật tiêu hao đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị dưới 200 triệu đồng.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định thuê tài sản là nhà, đất; xe ô tô phục vụ hoạt động tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê tài sản là nhà, đất; xe ô tô phục vụ hoạt động tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thuê tài sản là nhà, đất; xe ô tô phục vụ hoạt động tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản quyết định thuê tài sản khác.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sử dụng tài sản công là nhà, đất; xe ô tô; tài sản công có nguyên giá theo sổ kế toán từ 05 tỷ đồng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định sử dụng tài sản công (trừ nhà, đất; xe ô tô) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định sử dụng tài sản công (trừ nhà, đất; xe ô tô) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện có nguyên giá theo sổ kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sử dụng tài sản công (trừ nhà, đất; xe ô tô) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi

quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

5. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán các cấp (trừ trường hợp quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này) quyết định sử dụng tài sản công (trừ nhà, đất; xe ô tô) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 200 triệu đồng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công là nhà, đất; xe ô tô.
2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định thu hồi tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này).
3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này).
4. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công là nhà, đất; xe ô tô; quyết định điều chuyển tài sản công trong các trường hợp sau:
 - a) Giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;
 - b) Giữa cấp tỉnh và cấp huyện;
 - c) Giữa các huyện, thị xã, thành phố;
 - d) Giữa cấp tỉnh và cấp xã;
 - đ) Giữa các xã, phường, thị trấn thuộc 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên.
2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định điều chuyển tài sản công (trừ nhà, đất; xe ô tô) giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công (trừ nhà, đất; xe ô tô) giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện; giữa cấp huyện và cấp xã; giữa các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý cấp huyện.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển tài sản công (trừ nhà, đất; xe ô tô) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản cố định (trừ nhà, đất)

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản cố định là xe ô tô và tài sản cố định có nguyên giá theo sổ kế toán từ 05 tỷ đồng trở lên/01 lần bán.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định bán tài sản cố định (trừ xe ô tô) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng/01 lần bán.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản cố định (trừ xe ô tô) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện có nguyên giá theo sổ kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng/01 lần bán.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản cố định (trừ xe ô tô) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng/01 lần bán.

5. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản cố định quyết định bán tài sản cố định (trừ xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 200 triệu đồng/01 lần bán.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản cố định (trừ đất)

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản cố định là xe ô tô.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định thanh lý tài sản cố định là nhà, công trình gắn liền với đất; tài sản cố định (trừ xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản cố định là nhà, công trình gắn liền với đất; tài sản cố định (trừ xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế

toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản cố định là nhà, công trình gắn liền với đất; tài sản cố định (trừ xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

5. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản cố định quyết định thanh lý tài sản cố định (trừ nhà, công trình gắn liền với đất; xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản cố định (trừ nhà, đất; xe ô tô)

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định tiêu hủy tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu hủy tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 11. Thẩm quyền xử lý tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản cố định trong trường hợp tài sản bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá theo sổ kế toán từ 05 tỷ đồng trở lên/01 lần bị mất, bị hủy hoại.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định xử lý tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong trường hợp tài sản bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá theo sổ kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng/01 lần bị mất, bị hủy hoại.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản cố định của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện trong trường hợp tài sản

bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá theo sổ kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng/01 lần bị mất, bị hủy hoại.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong trường hợp tài sản bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá theo sổ kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng/01 lần bị mất, bị hủy hoại.

5. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản cố định quyết định xử lý tài sản cố định trong trường hợp tài sản bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 200 triệu đồng/01 lần bị mất, bị hủy hoại.

Điều 12. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc địa phương quản lý

1. Thẩm quyền phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị; bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại: Thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Quy định này.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển giao diện tích đất được giao (hoặc tạm giao) để phục vụ công tác thi công dự án cho cơ quan chức năng của địa phương (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã) sau khi hoàn thành việc thi công dự án.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định việc khai thác tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các tài sản công đã có quyết định xử lý của cơ quan, người có

thẩm quyền theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định pháp luật.

2. Khi có quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền về việc kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện:

a) Thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại điểm b, c, d khoản 1 Điều 7 Quy định này hết hiệu lực thi hành.

b) Thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện tại điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 3; khoản 2 Điều 4; khoản 3 Điều 5; khoản 3 Điều 6; khoản 3 Điều 7; khoản 3 Điều 8; khoản 3 Điều 9; khoản 2 Điều 10; khoản 3 Điều 11 Quy định này hết hiệu lực thi hành.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công giữa các đơn vị hành chính cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

Số: 07/2025/NQ-HĐND

An Giang, ngày 29 tháng 5 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, sử dụng, xử lý, khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét Tờ trình số 649/TTr-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, sử dụng, xử lý, khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, sử dụng, xử lý, khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, sử dụng, xử lý, khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định pháp luật.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 29 tháng 5 năm 2025, thay thế Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Khóa X Kỳ họp thứ 30 (chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 5 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể -VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú Thông tấn xã Việt Nam tại An Giang, Báo Nhân dân tại An Giang;
- Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng TTDN.(H)

CHỦ TỊCH



Lê Văn Nưng

PHIẾU GIẢI QUYẾT VĂN BẢN ĐẾN

Số: 241/ST-CHTC ngày, 18 tháng 7 năm 2025

1. Ý kiến của lãnh đạo cơ quan, tổ chức

- Giao đơn vị, cá nhân chủ trì; P. ~~Đ~~ Nguyễn
- Giao các đơn vị, cá nhân tham gia phối hợp giải quyết văn bản đến (nếu có);

- Thời hạn giải quyết đối với mỗi đơn vị, cá nhân (nếu có);

- Ngày 22 tháng 7 năm 2025 cho ý kiến phân phối, giải quyết

2. Ý kiến của lãnh đạo Khoa, Phòng

- Giao cho cá nhân; thời hạn giải quyết đối với cá nhân (nếu có);

- Ngày, ... tháng, ... năm ... cho ý kiến

3. Ý kiến đề xuất của người giải quyết.

- Ý kiến đề xuất giải quyết văn bản đến của cá nhân;

- Ngày, ... tháng, ... năm ... đề xuất ý kiến